

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 6 – 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Dài.
- Ông Ngô Văn Khon.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trà My là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thành P, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Thành P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Thành P xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh

**Đồng Tháp** vào ngày 25/5/2010. Hôn nhân giữa chị **C** và anh **P** được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và kết hôn.

Trong khoảng thời gian sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, cãi vã. Anh **P** không quan tâm chăm sóc vợ con và gia đình, tính tình không còn hòa hợp nhau, anh **P** hiện có người phụ nữ khác bên ngoài, chị **C** có nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị **C** và anh **P** bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân chị **C** và anh **P** có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Chị **Nguyễn Thị C** yêu cầu ly hôn với anh **Lê Thành P**.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị **C** và anh **P** có 01 con chung tên **Lê Thành B**, sinh ngày 15/5/2009 (Hiện đang sống chung với anh **P**). Chị **C** thống nhất giao con chung cho anh **P** được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Nguyễn Thị C** không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Lê Thành P** không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị C**. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị C** được ly hôn với anh **Lê Thành P**. Về con chung: Giao con chung tên **Lê Thành B**, sinh ngày 15/5/2009 cho anh **Lê Thành P** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Nguyễn Thị C** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **Lê Thành P** không có văn bản yêu cầu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh **Lê Thành P** không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án về việc yêu cầu chị **Nguyễn Thị C** cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của chị **Nguyễn Thị C** (Bản sao); Căn cước công dân của anh **Lê Thành P** (Bản sao); Trích lục kết hôn (Bản sao); Giấy khai sinh của cháu **Lê Thành B** (Bản sao); Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú (Bản sao).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị C** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Lê Thành P** cư trú tại **ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị **Nguyễn Thị C** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Lê Thành P** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **C**, anh **P** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị C** yêu cầu ly hôn với anh **Lê Thành P**.

Xét thấy, chị **C** và anh **P** xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** vào ngày 25/5/2010, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Anh **P** không quan tâm chăm sóc vợ con và gia đình, tính tình không còn hợp nhau, anh **P** hiện có người phụ nữ khác bên ngoài, chị **C** có nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị **C** xác định, chị **C** và anh **P** không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị **C** và anh **P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **Nguyễn Thị C** yêu cầu ly hôn với anh **Lê Thành P** là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C thống nhất giao con chung tên Lê Thành B, sinh ngày 15/5/2009 cho anh Lê Thành P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét thấy, kể từ khi ly thân cháu B hiện nay đang sống chung với anh P. Anh P là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại bản khai 01/6/2023, cháu B có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với anh P. Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2023, chị C thống nhất giao cháu B cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, chị C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu B phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Lê Thành B, sinh ngày 15/5/2009 cho anh Lê Thành P nuôi dưỡng là phù hợp.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị Nguyễn Thị C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Thành P. Tuy nhiên, anh P không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án về việc yêu cầu chị C cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh P không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Thành P.



- *Về con chung*: Giao con chung tên **Lê Thành B**, sinh ngày 15/5/2009 cho anh **Lê Thành P** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Nguyễn Thị C** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **Lê Thành P** không có văn bản yêu cầu.

Chị **C** và anh **P** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Anh **Lê Thành P** không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án về việc yêu cầu chị **Nguyễn Thị C** cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và tài sản chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị C** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016146 ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Anh **Lê Thành P** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**